TẠP CHÍ KHOA HỌC, Đại học Huế, Số 60, 2010

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG THÀNH NGỮ TRONG THƠ NGUYỄN BÍNH

Hoàng Thị Huế
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

TÓM TẮT

Tùy vào tạng riêng của mỗi nhà văn mà chất liệu ngôn ngữ được lựa chọn theo một kiểu khác nhau. Từ một sự thúc đẩy nào đó bên trong, từ cội rễ bản chất chân quê và tính lưỡng phân trong tâm trạng, Nguyễn Bính đã thể hiện cá tính trong việc chọn chất liệu - thành ngữ dân gian. Các thành ngữ, vì thế, từ chỗ là tài sản chung của mọi người đã trở thành một thực thể có đặc trưng rất riêng trong thơ Nguyễn Bính. Đó có thể là những thành ngữ nguyên mẫu hoặc biến thể, hoặc được sáng tạo lại thành những biểu thức ngôn ngữ có cấu tạo giống thành ngữ. Từ đây, Nguyễn Bính vừa khẳng định được phong cách chân quê của mình đồng thời cũng đem đến cho giàn giao hưởng Thơ mới một thanh âm trầm buồn truyền thống nhưng cũng rất dóng dả hiện đại trong cảm xúc.

Nhắc đến Thơ mới, người ta nghĩ ngay đến những tên tuổi như Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê... Mỗi nhà thơ mang một phong cách riêng, độc đáo, không lặp lại, trong đó Nguyễn Bính được xem là "ca sĩ của đồng quê", bởi thơ ông gắn liền với tình quê, chân quê, hồn quê, thơ ông thấm đẫm phong vị ca dao. Chính vì thế, khi tìm hiểu đặc trưng phong cách mỗi tác giả, một vấn đề không thể bỏ qua là cách sử dụng chất liệu ngôn ngữ để tạo nên tác phẩm.

Tìm hiểu thành ngữ dân gian trong thơ Nguyễn Bính sẽ tái hiện phần nào đặc trưng từ ngữ - một phần làm nên diện mạo phong cách thơ Nguyễn Bính, lý giải nó một cách khách quan hơn, có căn cứ cụ thể hơn. Bởi phong cách của mỗi tác giả được tạo nên từ ý thức sử dụng và lựa chọn ngôn ngữ - nơi tác giả thể hiện sự "tự do trong hành xử ngôn ngữ" của mình rõ nhất. Bên cạnh đó, tìm hiểu các cấp độ sử dụng thành ngữ dân gian trong thơ Nguyễn Bính có thể thấy được quy luật kế thừa và phát triển của ngôn ngữ tiếng Việt.

Thành ngữ là một đơn vị ngôn ngữ đặc biệt trong ngôn ngữ của một dân tộc. Thành ngữ thuộc về ký hiệu trung gian giữa các ký hiệu của cấp độ từ và cấp độ câu, nhưng về mặt nội dung và ý nghĩa, thành ngữ luôn có giá trị chức năng như một từ và có thể thay thế cho từ về phương diện định danh. Đằng sau cái vỏ là ngôn ngữ giao tiếp, thành ngữ ẩn tàng những đặc điểm của một nền văn hóa, phong tục tập quán, phép đối nhân xử thế, đạo lý, tư tưởng, tình cảm của một quốc gia và của chính người sử dụng nó. Chính vì vậy, tìm hiểu thành ngữ nói chung, thành ngữ được sử dụng trong sáng tác của

một tác giả nói riêng vừa khẳng định được vai trò lưu giữ văn hóa dân tộc của văn học vừa khẳng định phong cách tác giả qua những dấu ấn của nhận thức và đặc trưng tư duy ngôn ngữ thể hiện trong tác phẩm.

Thành ngữ dung chứa một khối lượng lớn kinh nghiệm sống, phép đối nhân xử thế, cách nghĩ, cách cảm và quan niệm về cái thiện cái ác... nên trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, con người nói chung, các nhà văn nhà thơ nói riêng thay vì sáng tạo từ mới, người ta sẽ sử dụng những thành ngữ để diễn đạt ý tưởng một cách hàm súc, cô đọng, giàu tính hình tượng và độc đáo hơn. Do đặc điểm riêng về cấu tạo và ngữ nghĩa của thành ngữ nên nó thường được sử dụng nhiều trong văn xuôi hơn là trong thơ ca. Tuy nhiên, do có tính biểu cảm cao và có ý nghĩa hình tượng nên thành ngữ cũng hay xuất hiện trong thơ, đặc biệt trong thơ của một số nhà thơ có xu hướng tìm về với cội nguồn dân gian như Nguyễn Bính. Khảo sát tuyển tập thơ Nguyễn Bính, có thể thấy trong 61 bài thơ thì có 23 thành ngữ (thuần Việt và Hán Việt) chiếm tỷ lệ 0,27%.

Sở dĩ Nguyễn Bính sử dụng nhiều thành ngữ như vậy do sinh ra và lớn lên tại một vùng quê nghèo với khung cảnh thiên nhiên mang đậm đặc trưng đồng quê Bắc bộ, những lớp học ở trường làng, những hội hè sinh hoạt của người dân quê... tất cả đã hòa quyện trong hồn thơ của chàng thi sĩ bẩm sinh này. Tuy luôn luôn nhắc nhở mình "Hoa chanh nở giữa vườn chanh/ Thầy u mình với chúng mình chân quê" (Chân quê) nhưng Nguyễn Bính lại không phải là người nhà quê hẳn. Bị ánh đèn màu nhấp nháy chốn thị thành thu hút, ông "Bỏ lại vườn cam bỏ mái gianh/ Tôi đi dan díu với kinh thành". Ra đi thật, nhưng không đi hẳn, chỉ "dan díu" chứ không "cưới" nên nhà thơ vẫn tồn tại trong trạng thái phân thân giữa thành thị với nông thôn, "ông chỉ là kẻ quá giang, người lái đò qua lại giữa hai bờ nông thôn và thành thị, Đông và Tây trên khúc sông của buổi giao thời" [178; 3]. Cắm thuyền trên bến sông đô thị nhưng lòng lại mơ về nơi quê nhà xưa với quán mái tranh, cây đa, bến đò cũ... vì vậy, thơ của Nguyễn Bính đầy những ám ảnh, những chiêm bao, huyễn tưởng của con người phân thân để vừa tự thõa mãn khát vọng của con người cá nhân hiện đại vừa an ủi vỗ về con người gốc gác chân quê trong mình, xóa đi mặc cảm phụ bạc, bỏ vườn cam, bỏ mái tranh để dan díu với kinh thành của bản thân.

Khảo sát thơ của Nguyễn Bính, có thể thấy khuynh hướng sử dụng thành ngữ trong thơ ông bộc lộ rất rõ tâm trạng lưỡng phân, giằng xé giữa đôi bờ thành thị - nông thôn này. Thành ngữ là những biểu thức đa từ có cấu trúc vừa cố định vừa linh hoạt, được sử dụng như những đơn vị ngôn ngữ có sẵn trong giao tiếp. Thông thường, nghĩa thực tại của một thành ngữ thường dựa trên sự liên hệ giữa những liên tưởng trong tiềm thức người tiếp nhận với hiện thực bên ngoài. Tùy vào tạng riêng của mỗi nhà văn mà chất liệu ngôn ngữ được lựa chọn theo một kiểu khác nhau. Từ một sự thúc đẩy nào đó bên trong, từ cội rễ bản chất chân quê và tính lưỡng phân trong tâm trạng, Nguyễn Bính đã bộc lộ rõ nét cá tính trong việc chọn chất liệu ngôn ngữ - thành ngữ dân gian. Các thành ngữ, vì thế, từ chỗ là tài sản chung của mọi người đã trở thành một thực thể có

đặc trưng rất riêng trong thơ Nguyễn Bính, tồn tại ở hai phương diện:1) Thành ngữ được sử dụng nguyên mẫu nhưng mang hàm nghĩa mới, 2) Thành ngữ được sử dụng một cách sáng tạo (có biến đổi về mặt cấu tạo và mặt nghĩa).

Thành ngữ đã đi vào thơ Nguyễn Bính một cách nhuần nhị. Khi viết về cảnh quê, người quê, hóa thân vào các nhân vật thôn quê, các thành ngữ được Nguyễn Bính sử dụng ở dạng nguyên mẫu, không biến đổi. Có thể thấy rõ điều đó trong rất nhiều thành ngữ viết về nông thôn: một nắng hai sương, chín nhớ mười mong, bảy nổi ba chìm, trăm cay ngàn đắng, năm tao bảy tuyết, nợ nần như chúa chổm, lạnh như tiền, thở ngắn than dài, đào sâu chôn chặt, nhạt thắm phai đào, trẻ người non dạ, đầu tắt mặt tối, dầu hao bấc gầy, núi lở sông bồi, giậu đổ dây leo...

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

(Tương tư)

Càng quay về với truyền thống, càng sống trong không gian thôn dã, thành ngữ càng phát huy tác dụng của nó, như một câu cửa miệng, thành ngữ bật ra trong câu thơ như một phần tất yếu tồn tại bất biến trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt. *Lỡ bước sang ngang* là một bài thơ nổi tiếng của Nguyễn Bính, trong đó ta bắt gặp hàng loạt các thành ngữ: *Cũng là thôi... cũng là đành.../ Sang ngang lỡ bước riêng mình chị sao?/ Tuổi son nhạt thắm phai đào/ Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người../ .. Một đi bảy nổi ba chìm,/ Trăm cay, ngàn đắng, con tim héo dần.../... Chị giờ sống cũng bằng không/ Coi như chị đã sang sông đắm đò* (Lỡ bước sang ngang)

Những thành ngữ *sang ngang lỡ bước, sang sông đắm đò, nhạt thắm phai đào, bảy nổi ba chìm, trăm cay ngàn đắng* chỉ thân phận phụ thuộc nhọc nhằn của người phụ nữ xưa được Nguyễn Bính dùng làm chất liệu để viết nên những câu thơ da diết về cuộc đời chị Trúc – một thôn nữ xuất hiện rất nhiều trong thơ Nguyễn Bính, trở đi trở lại như một điểm tựa tinh thần để nhà thơ bấu víu mỗi khi "hồn bơ vơ không biết tựa vào đâu"(Huy Cận) nơi đất khách quê người – chốn đô thị phồn hoa nhiều cám dỗ nhưng cũng lắm bất trắc. Tâm sự với chị Trúc, gởi khăn về cho chị, kể lể dông dài với chị cũng chính là đang nương náu, bám víu vào phần căn cốt chân quê trong mình, tìm về với mình để nguôi bớt cảm giác lạc lõng, chơi vơi trong hiện tại. Càng về với nông thôn, càng truyền thống, thành ngữ càng được sử dụng nhiều và gần với nguyên mẫu trong dân gian:

Càng tài sắc lắm, càng oan nghiệt

Bảy nổi ba chìm với nước non

(Oan nghiệt)

Thuốc lào hút mãi người ra khói

Thơ đọc suông tình hết cả say

Túi rỗng nợ nần hơn chúa chổm

Áo quần trộm mượn túng đồ thay

(Giời mưa ở Huế)

Bảy nổi ba chìm, nợ nần hơn chúa chổm... là những thành ngữ rất quen thuộc, thông dụng, gần gũi với người dân quê, ở đây được dùng để chỉ tâm trạng bất an của con người muốn hòa mình vào cuộc sống thành thị nhưng không hòa nổi, muốn quay về với thôn quê nhưng bị níu kéo nhiều bề. Mơ về miền không gian có lũy tre xanh, có bóng dáng ai với dây lưng đũi, yếm lụa sồi nhưng vẫn biết :

Tình tôi mở giữa mùa thu

Tình em lẳng lặng kín như buồng tằm

(Đêm cuối cùng)

Để diễn đạt một tâm trạng khó hiểu, lưng chừng giữa yêu thương gắn bó với hờ hững nhạt nhẽo, giữa xa xôi với gần gũi, Nguyễn Bính dùng thành ngữ *kín như buồng tằm*, nó vừa cuộn trong đó nhiều thứ, vừa mở ra, giăng tơ một nỗi buồn. Chốn quê xưa với cuộc sống giản dị và nhiều mộng mơ gắn bó, dẫu êm đềm bình yên nhưng vẫn chỉ là một *miền nhớ* ẩn khuất trong tâm hồn chứ không níu giữ được bước chân của chàng thi sĩ đa tình "đa đoan vó ngựa chung tình bánh xe này". Nguyễn Bính vẫn bị thu hút về phía chốn thị thành "ngựa xe như nước áo quần như nêm" (Nguyễn Du) kia. Trong môi trường của xã hội văn minh công nghiệp, chóng mặt với vòng quay của thời gian đô thị một đi không trở lại, cảm giác về cái bất biến vĩnh hằng "nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay" (Thôi Hiệu) không còn nữa, thay vào đó là ý thức sắc nhọn về bản thân mình, về quỹ thời gian hạn hẹp của đời mình, con người đối diện với nỗi cô đơn khủng khiếp, chống chếnh, bơ vơ, với cảm giác lạc lõng tha phương:

Chén rượu tha hương, giời! đắng lắm,

Trăm hờn nghìn giận suốt mùa đông

(Xuân tha hương)

Trăm hờn nghìn giận là một biến thể từ *trăm cay ngàn đắng*, khác một chút về cấu tạo hình thức để chuyên chở một nội dung khác, đó là cảm giác dỗi hờn mông lung một điều gì đó, một ai đó về nỗi cô quạnh của thân phận mình những ngày lưu lạc đất khách quê người. Tuy những vần thơ nói về nỗi sầu đô thị này cũng có sử dụng thành ngữ, nhưng thành ngữ ở đây đã được sáng tạo lại, càng gần với con người hiện đại, Nguyễn Bính càng sử dụng nhiều thành ngữ biến thể, hoặc sử dụng một số biểu thức ngôn ngữ có cấu tạo giống thành ngữ:

Cuộc cờ lỡ pháo lầm xe

Quyết tâm phá bí ai dè vẫn thua

(Nam kỳ cũng gió mưa)

Tình đời nơi nả sang sông

Chị tôi buộc thắm giam hồng lênh đênh

(Một chiều say)

Mỗi thành ngữ thường có nghĩa khởi nguyên và nghĩa thực tại, nghĩa thực tại được chiếm lĩnh thế nào là phụ thuộc vào kinh nghiệm diễn giải của người tiếp nhận và hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Nguyễn Bính vừa là một thôn dân đặc trưng nhất nhưng đồng thời cũng là một thị dân hiện đại. Không hẳn quen thuộc và không thể hòa nhập vào cuộc sống hiện đại nhưng không muốn quay về với truyền thống nên tâm hồn Nguyễn Bính rơi vào trạng thái vênh lệch với thực tại:

Năm ấy sang sông lỡ chuyến đò

Đò đầy gió lớn sóng sông to

Mười hai bến nước xa lăng lắc

Lầm tự ngày xưa, lỡ đến giờ

(Bao nhiêu đau khổ của trần gian trời đã dành riêng để tặng nàng)

Cũng nói về một bước hụt trong đời nhưng thay vì *sang sông đắm đò*, Nguyễn Bính dùng *sang sông lỡ chuyến đò*, mất đi một nhịp không hẳn là mất hết nhưng cảm giác lạc lõng cô độc là có thật, đó là cảm giác của một tha nhân trên chính quê hương :

Nhà cửa liền nhau thành một xóm

Cay nồng hơi thuốc lẫn hơi men

Mụ vợ Bắc Nam người tứ xứ

Anh chồng tay trắng lẫn tay đen

(Xóm Ngự viên)

Số phận của những thị dân trong cuộc sống hiện đại luôn phải đối diện với những bất trắc và nhịp sống hối hả tất bật, lo toan, đong đếm từng ngày. Thoát khỏi lũy tre làng bao bọc con người mong tìm chút hạnh phúc nhưng rồi nhọc nhằn vẫn nguyên nhọc nhằn "tay trắng lẫn tay đen", và.... lẻ loi đơn chiếc:

Sương chiều gió sớm bao đơn chiếc

Bướm lại ong qua mấy ngậm ngùi

(Oan nghiệt)

Giậu đổ dây leo suồng sã quá

Hoa tàn, con bướm cánh nghiêng nghiêng

(Xóm Ngự viên)

Tha nhân muốn hóa giải nỗi sầu lữ thứ chỉ còn cách hóa thân vào cánh bướm để chập chờn từ cõi thực vào cõi mơ, xóa đi mọi rào cản ngăn cách, xóa đi nỗi niềm bơ vơ trong xứ người xa lạ. Khác với thơ Bàng Bá Lân, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ... có xu hướng thiên về cảnh quê, Nguyễn Bính là nhà thơ của tình quê với bao âu lo khắc khoải và hoài niệm về quê hương, về những giá trị truyền thống đang bị đời sống đô thị hiện đại "tỉa" dần. Đi là để trốn khỏi mình, để khỏa lấp nỗi vật vờ trong hiện tại, nhưng với Nguyễn Bính, đi đâu rồi cũng phải đối diện với chính mình:

Hỡi người đi gió về mưa

Có xây dựng nổi cơ đồ gì không?

Đã đành nhớ núi thương sông,

Nằm đây xa cách muôn trùng ải quan

(Nam Kỳ cũng gió mưa)

Càng đi xa quê hương, vào phương Nam, nỗi khắc khoải ngày về, nhớ núi thương sông càng lớn, càng không tránh được gió mưa trong lòng (Nam Kỳ cũng gió mưa). Từ các thành ngữ *đi mây về gió, đi mưa về nắng* Nguyễn Bính kết hợp để thành *đi gió về mưa*, chỉ những nhọc nhằn trong việc theo đuổi khát vọng của một con người. Không những kết hợp thành ngữ, Nguyễn Bính còn sử dụng thành ngữ một cách sáng tạo:

Hôm qua em đi tỉnh về

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

(Chân quê)

Chín hẹn đã sai mười: bạn quý

Nghìn voi không được một: người yêu

Cũng nói về sự đổi thay của cuộc đời, của lòng người nhưng nói như thế chỉ có Nguyễn Bính. Bên cạnh đó, ta có thể thấy ông cũng sử dụng rất sáng tạo nhiều thành ngữ như *mộng ngát duyên lành, mắt quầng tóc rối, hương đồng gió nội, sang sông lỡ bước...*

Cách kết hợp từ một cách mới lạ ở Nguyễn Bính không nhiều bằng Xuân Diệu và một số nhà thơ khác. Điều đó cho thấy nhà thơ chân quê chủ yếu đổi mới nội dung biểu đạt hơn là hình thức biểu đạt. Nhờ cách sử dụng thành ngữ, Nguyễn Bính vừa khẳng định được phong cách chân quê của mình đồng thời cũng đem đến cho giàn giao

hưởng Thơ mới một thanh âm trầm buồn truyền thống nhưng cũng rất dóng dả hiện đại trong cảm xúc. Chính sự dùng dằng giữa thành thị ồn ã với nông thôn yên bình đã chi phối đến cách lựa chọn và kết hợp các thành ngữ trong thơ Nguyễn Bính. Một hình thức rất cổ điển nhưng hàm chứa một nội dung hiện đại, những xót xa trước sự tàn phai của các giá trị truyền thống, trước những thay đổi, chuyển giao của cái mới mẻ, tân kỳ với cái êm đềm xưa cũ. Đây cũng là nét đặc biệt của nhà thơ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Roland Barthes. *Độ không của lối viết,* Nxb Hội nhà văn Hà Nội, (1997).
2. Nguyễn Tài Cẩn. Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa, Nxb ĐHQG Hà Nội, (2003).
3. Hà Minh Đức, Đoàn Đức Phương. (tuyển chọn và giới thiệu), *Nguyễn Bính – Tác giả, tác phẩm* Nxb Giáo dục, Hà Nội, (2001).
4. Erich Fromm. *Ngôn ngữ bị lãng quên,* Nxb VHTT, Hà Nội, (2003).
5. Martin Heidegger. *Trên đường đến với ngôn ngữ,* Tc Văn học nước ngoài, (1). (Trương Đăng Dung dịch và giới thiệu), (1999).
6. Phan Ngọc. *Thử xét văn hoá văn học bằng ngôn ngữ học,* Nxb Thanh Niên, Hà Nội, (2000).
7. Đỗ Lai Thúy. *Mắt thơ,* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, (2000).
8. Tuyển tập Nguyễn Bính, Nxb Văn học , Hà Nội, (2001).
9. Viện Ngôn ngữ học Hà Nội. *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, NXB Văn hóa, Hà Nội, (1992).

THE ART OF USING IDIOMS IN NGUYEN BINH'S POEM

Hoang Thi Hue
College of Pedagogy, Hue University

SUMMARY

Depending on each author's style, the relevant language is chosen. From a deep stimulation, from some natural instinct of the country and the dichotomy of feelings, Nguyen Binh expressed his character through the choice of language and native idioms. Idioms, a common property, have turned into a differently distinguished enity in Nguyen Binh's poems. They can be original idioms, variants, or creations as expressions which sound like idioms. With these, Nguyen Binh could affirm his country style and made New Poem sound traditionally and deeply sad when inspiring some modernly echoing emotion.